

# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**

(Ban hành kèm Quyết định số 133/QĐ-ĐHTĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2020  
của Trường Đại học Tây Đô)

### **1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

. Chương trình đào tạo Đại học Quản trị khách sạn được điều chỉnh năm 2020 theo Quyết định của Nhà trường nhưng vẫn đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, tương đối các yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo thông tin tư vấn số 07/2015/TT- Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 16 tháng 4 năm 2015. Năm 2018, Khoa/ Bộ môn điều chỉnh chi tiết và chuẩn đầu ra theo Công văn số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng trường đại học, đào tạo. Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn được xây dựng, sắp xếp hợp lý, phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục đại học, người học và người có liên quan. Học viên tham gia chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo phương thức đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ để trở thành cử nhân kinh tế có tư tưởng chính trị vững, kiến thức chuyên ngành có thể chịu trách nhiệm. làm việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

#### **1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

##### **A. Thông tin tổng quát:**

1. Tên chương trình tiếng Việt: **Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn**
2. Tên chương trình tiếng Anh: **Hospitality Management Program**
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: **Quản trị khách sạn**
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: **Hospitality Management**
6. Mã ngành: 7810202
7. Thời gian đào tạo: 4 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 141
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

### **2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

#### **2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô**

*Sứ mạng*

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

### ***Tầm nhìn***

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

### ***Mục tiêu phát triển đến năm 2035***

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khoẻ vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

***Các giá trị:*** Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới

### ***Triết lý giáo dục***

- Học suốt đời để làm việc suốt đời
- Thực học - Thực nghiệp.

## **2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Khoa/Bộ môn**

### ***Sứ mệnh***

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết quả quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển có chất lượng, hiệu quả và ổn định; Nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; Tạo môi trường thuận lợi để đào tạo, nuôi dưỡng và phát triển nhân tài trong lĩnh vực kinh doanh du lịch hiện đại.

### ***Tầm nhìn***

Trở thành Khoa dựa trên nghiên cứu ứng dụng Xếp hạng tầm nhìn ngang hàng với các Khoa tiên tiến trong khu vực và cả nước, trong đó có ít nhất 2 ngành đào tạo sẽ được kiểm định do các tổ chức chất lượng giáo dục đại học cấp trường và cấp khu vực.

### ***Mục tiêu***

***Mục tiêu đào tạo:*** Tạo cho học sinh, sinh viên có đủ sức khoẻ; đã được cải tiến vàng Chuyên nghiệp; có kiến thức về giá trị xã hội chính, luật pháp và thông tin công nghệ; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp trong môi trường luôn thay đổi.

***Mục tiêu phát triển đến năm 2023:*** Mở rộng ngành nghề đào tạo ở cả bậc đại học và sau đại học.

Tăng quy mô đào tạo so với hiện tại 20%

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Thao tác mạnh mẽ nâng cấp nghiên cứu khoa học của học viên và sinh viên.

Nâng cả về số lượng và chất lượng.

Thực hiện kiểm định 2 CTĐT bậc đại học.

### **2.3. Mục tiêu của chương trình**

#### **2.3.1 Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị khách sạn được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân ngành Quản trị khách sạn có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của ngành, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt trong các lĩnh vực dịch vụ khách sạn, nhà hàng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành du lịch, khách sạn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế, đồng thời có năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

#### **2.3.2 Mục tiêu cụ thể**

##### **2.3.2.1. Về kiến thức**

**G1.** Những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, văn hoá

**G2.** Có kiến thức cơ bản về quản trị học, tổng quan du lịch, tâm lý khách du lịch, địa lý du lịch, văn hóa ẩm thực, quản lý nhà nước về du lịch, phát triển du lịch bền vững, văn hóa du lịch, du lịch thế giới, văn hóa đa quốc gia...

**G3.** Có kiến thức cơ bản về quản trị nhân sự trong khách sạn, quản trị ẩm thực, quản trị kinh doanh lưu trú, nghiệp vụ quản lý an toàn về sinh trong nhà hàng, quản lý điều hành yến tiệc, quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn,...

**G4.** Kiến thức về các dịch vụ liên quan như ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh (nhà hàng), ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú, quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ, Quản trị du lịch MICE, kỹ năng hoạt náo, quản trị khu du lịch – khu nghỉ dưỡng, quản trị tài chính doanh nghiệp, lập và phân tích dự án kinh doanh khách sạn,...

**G5.** Có kiến thức về qui trình nghiệp vụ: nghiệp vụ buồng phòng, nghiệp vụ phục vụ buồng quầy bar, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn,.... và mối quan hệ của bộ phận điều hành và các bộ phận khác trong khách sạn.

##### **2.3.2.2. Về kỹ năng**

**G6.** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị khách sạn, nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

**G7.** Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu, diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp trong hoạt động chuyên môn.

**G8.** Có kỹ năng giao tiếp, nói trước công chúng, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phản biện,...

### **1.1.1. Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

**G19.** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt.

**G10.** Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**G11.** Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi và phát triển.

### **2.3.3. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

Cử nhân ngành Quản trị khách sạn có thể làm việc:

- *Nhân viên lễ tân:*
  - + Làm việc tại các khách sạn, resort, nhà nghỉ, hoặc các cơ sở lưu trú.
  - + Đảm nhiệm việc chào đón, làm thủ tục check-in/check-out cho khách hàng, hỗ trợ khách trong quá trình lưu trú.
- *Nhân viên buồng phòng:* Chịu trách nhiệm vệ sinh, chuẩn bị phòng cho khách và duy trì chất lượng phòng ở đạt tiêu chuẩn.
- *Quản lý khách sạn:* Làm việc ở các vị trí quản lý cấp trung hoặc cao cấp, như trưởng bộ phận lễ tân, quản lý nhà hàng, quản lý dịch vụ khách hàng.
- *Nhân viên hoặc quản lý nhà hàng:* Làm việc tại các nhà hàng thuộc khách sạn hoặc độc lập, chịu trách nhiệm vận hành và giám sát dịch vụ ăn uống.
- *Nhân viên hoặc quản lý sự kiện:* Tổ chức và điều hành các sự kiện, hội thảo, hoặc tiệc cưới tại khách sạn và khu nghỉ dưỡng.
- *Chuyên viên marketing trong lĩnh vực du lịch - khách sạn:* Phát triển chiến lược quảng bá, thu hút khách hàng đến các khách sạn hoặc dịch vụ liên quan.
- *Khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ - khách sạn:* Tự mở doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú, dịch vụ ăn uống hoặc tổ chức sự kiện.

### **2.3.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị khách sạn sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Sinh viên có thể tự nghiên cứu, học tập, bổ sung những tri thức và kỹ năng nghiệp vụ còn thiếu nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch nhân sự ở nơi làm việc.
- Sinh viên có thể tiếp tục học tập ở các bậc cao hơn như thạc sĩ, hoặc tiến sĩ về Quản trị Khách sạn, Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành hoặc các lĩnh vực khác liên quan.

### 3. CHUẨN ĐẦU RA (Program learning outcomes)

#### 3.3. Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ, khoa học xã hội nhân văn và các ngành khoa học liên quan ứng dụng trong hoạt động kinh doanh khách sạn và lưu trú.
LO2	Phân tích được các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát trong hoạt động kinh doanh khách sạn, bao gồm các lĩnh vực như về tài chính, nhân sự, marketing, kinh doanh lưu trú, tổ chức sự kiện, quản trị khu du lịch, chất lượng dịch vụ, ẩm thực...
LO3	Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và các hệ thống vận hành, quản lý trong ngành khách sạn. Hiểu các nguyên tắc marketing trong ngành khách sạn, bao gồm các chiến lược tiếp thị truyền thông và trực tuyến, xây dựng thương hiệu khách sạn và quảng bá dịch vụ đến đúng đối tượng khách hàng,...
LO4	Nắm vững chức năng và quy trình vận hành các bộ phận trong khách sạn. Phân tích được những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về nghiệp vụ khách sạn và quản trị tác nghiệp khách sạn.
LO5	Vận dụng được nghiên cứu khoa học có tính thực tiễn trong lĩnh vực khách sạn, lưu trú... Phân tích được những kiến thức về kinh doanh khách sạn, lưu trú và vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn. Kiểm soát được hoạt động quản lý và đảm bảo chất lượng các dịch vụ đặc thù trong cơ sở lưu trú.

#### 3.4. Kỹ năng

##### 3.4.2. Kỹ năng cứng

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO6	Thực hiện thành thạo kỹ năng tác nghiệp các nghiệp vụ trong khách sạn. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình hiệu quả trong môi trường làm việc đa văn hóa, quốc tế.
LO7	Vận dụng khởi nghiệp, có khả năng dẫn dắt khởi nghiệp kinh doanh khách sạn, tạo động lực cho bản thân và đội nhóm, tự khởi nghiệp và tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp.
LO8	Thực hiện được kỹ năng quản trị tác nghiệp khách sạn (việc lập kế hoạch,

	triển khai thực hiện kế hoạch, quản lý các nguồn lực, đánh giá hiệu quả kinh doanh).
--	--

### 3.4.3. Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO9</b>	Có kỹ năng thoả thuận, thuyết phục, đàm phán trong quản lý kinh doanh khách sạn. Có năng lực nghiên cứu và phân biện, sử dụng các giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh khách sạn và các loại hình lưu trú.
<b>LO10</b>	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, phối hợp và duy trì hoạt động cho các nhóm có cùng mục tiêu.
<b>LO11</b>	Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, vận dụng tốt các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và các loại hình lưu trú.

### 3.4.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO12</b>	Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị. Có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động của ngành quản trị khách sạn.
<b>LO13</b>	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và chịu trách nhiệm với xã hội. Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời để làm việc suốt đời.
<b>LO14</b>	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn nghiệp vụ quản trị khách sạn đã được đào tạo.
<b>LO15</b>	Có khả năng định hướng, đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ quản trị khách sạn, phát hiện và giải quyết các vấn đề.

**Bảng 1: Ma trận tích hợp Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình**

	Mục tiêu đào tạo
--	------------------

Chuẩn đầu ra CTĐT	G1	G2	G3	G4	G5	G6	G7	G8	G9	G10	G11
LO1	3	1	2	1	1	1	1	1	1	2	2
LO2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	3
LO3	1	2	2	2	1	2	2	2	1	2	3
LO4	1	2	3	4	3	4	4	3	3	2	2
LO5	1	1	2	3	3	3	3	3	3	3	3
LO6	1	2	3	4	4	4	3	3	3	3	3
LO7	2	2	2	4	3	3	3	3	3	3	4
LO8	1	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3
LO9	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	4
LO10	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
LO11	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3
LO12	3	2	2	2	2	2	3	3	3	2	3
LO13	2	2	3	3	2	3	3	3	2	4	4
LO14	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	4
LO15	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3

#### 4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo về khách sạn. Sau đó, có thể đảm đương được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận trong lĩnh vực khách sạn, lưu trú.

- Làm việc trong môi trường áp lực cao, môi trường thay đổi thường xuyên và đa dạng các nhóm người trong công tác xúc tiến kinh doanh khách sạn, lưu trú.

- Có khả năng nghiên cứu, học tập tiếp ở bậc cao hơn.

#### 5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

##### 5.1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:**

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia để xét tuyển.

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:** Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ).**

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.

- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$ĐXT = \text{Điểm trung bình chung (ĐTB)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐU'TXT)}$ .

$ĐTB = (\text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}) \div 3$ .

$ĐU'TXT = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3$ .

(ĐTB và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào** điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.
- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):



$$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC} + \text{ĐUTXT}$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}) \div 3$$

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐUTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào** điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

▪ **Tổ hợp xét tuyển:**

- + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
- + Khối A01 (Toán, Lý, Anh)
- + Khối D01 (Toán, Văn, Anh)
- + Khối C04 (Toán, Văn, Địa lý)

**5.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

**5.4.1 Quy trình đào tạo**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

**5.4.2 Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.

- e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

### **5.3. Cách thức đánh giá**

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

## **6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP**

Chiến lược giảng dạy và học tập của Chương trình Quản trị khách sạn tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

### **6.1. Chuẩn bị của giảng viên**

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Quản trị khách sạn cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.
- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

### **6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học**

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần suy nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong môi quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

### **Bảng 2. Chiến lược giảng dạy và học tập**

<b>Chiến lược giảng dạy</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Phương pháp giảng dạy</b>
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Thuyết giảng Bài học Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Trình diễn mẫu Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

### **6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.
- Mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

## **7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

### **6.4. Quy trình đánh giá**

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào,

khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

### 6.5. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

#### ❖ Các môn lý thuyết:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.
- Trọng số quy định:
  - o Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30 - 40%
  - o Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

❖ **Các môn thực hành:** Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

### 6.6. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

**Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:**

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$ : là ĐTBCHK, ĐTB CNH hoặc ĐTBCTL.

$a_i$ : là điểm của học phần thứ  $i$ .

$n_i$ : là số tín chỉ của học phần thứ  $i$ .

$n$ : là tổng số học phần.

## 6.7. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

### 6.7.1. Rubric đánh giá thuyết trình

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	ĐẠT	TỐT	RẤT TỐT
		1	2	3	4
1	<b>Nội dung</b>	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có).
2	<b>Cách thiết kế bài thuyết trình</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhiều lỗi trong câu, từ.</li> <li>- Định dạng không phù hợp về font, size.</li> <li>- Thiếu những hiệu ứng cần thiết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.</li> <li>- Định dạng phù hợp.</li> <li>- Màu sắc đơn điệu, chưa nhấn mạnh trọng tâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.</li> <li>- Định dạng phù hợp.</li> <li>- Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét.</li> <li>- Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.</li> <li>- Định dạng phù hợp.</li> <li>- Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét.</li> <li>- Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm.</li> <li>- Có các đường link minh họa hoặc link giữa các slide hợp lý.</li> </ul>
3	<b>Tác phong trình bày</b>	Trình bày không tự tin, không suôn sẻ, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, suôn sẻ, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể, có

				dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể.	tương tác với người nghe.
4	<b>Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện</b>	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời chưa rõ ràng cụ thể.	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được bình ví dụ điển hình.	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển hình cho câu trả lời.

### 6.7.2. Rubric đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí	Tỉ lệ %	Không đạt (0-1 điểm)	Gần đạt (2-4 điểm)	Đạt (5-8 điểm)	Tốt (9-10 điểm)
<b>I</b>	<b>NỘI DUNG KHÓA LUẬN 70%</b>				
<b>1. Hình thức</b>	5%	Không đạt số trang quy định Định dạng sai	Đạt số trang quy định ( $\geq 40$ trang). Định dạng đúng quy định	Đạt số trang quy định ( $\geq 40$ trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học.	Đạt số trang quy định ( $\geq 40$ trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học. Trình bày rõ ràng, hợp logic.
<b>2. Cấu trúc</b>	5%	Không đủ các chương	Đầy đủ các chương	Đầy đủ các chương và các phần liên quan	Đầy đủ các chương và các phần liên quan Bố cục logic
<b>3. Nội dung</b>					

<p><b>3.1. Tổng quan</b></p>	<p>10%</p>	<p>Không nêu được mục tiêu và không lược khảo tài liệu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu</li> <li>- Nêu được tính cấp thiết của đề tài.</li> <li>- Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.</li> <li>- Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu</li> <li>- Nêu được tính cấp thiết của đề tài.</li> <li>- Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.</li> <li>- Lược khảo đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu</li> <li>- Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...).</li> <li>- Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài</li> <li>- Trình bày mạch lạc, rõ ràng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích.</li> <li>- Nêu được tính cấp thiết của đề tài.</li> <li>- Mục tiêu cụ thể có tương thích với mục tiêu tổng quát</li> <li>- Lược khảo có phân tích, đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu</li> <li>- Nêu bật được những khiếm khuyết của các nghiên cứu này đây so với thực tế (để chứng minh tính thiết yếu khoa học).</li> <li>- Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...).</li> <li>- Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài.</li> <li>- Trình bày mạch lạc, rõ ràng.</li> </ul>
------------------------------	------------	--	---	--	--

<p><b>3.2. Cơ sở lý luận - Thiết kế nghiên cứu</b></p>	<p>20%</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa xác định được đối tượng nghiên cứu</li> <li>- Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng không tương thích với mục tiêu.</li> <li>- Chưa đạt cỡ mẫu nghiên cứu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được đối tượng nghiên cứu.</li> <li>- Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa rõ ràng.</li> <li>- Đạt cỡ mẫu nghiên cứu.</li> <li>- Có mô tả công cụ thực nghiệm.</li> <li>- Có mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ.</li> <li>- Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng.</li> <li>- Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng.</li> <li>- Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện.</li> <li>- Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác.</li> <li>- Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ.</li> <li>- Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý.</li> <li>- Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng.</li> <li>- Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng, tương thích với mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện.</li> <li>- Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác, có tương thích với mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ.</li> <li>- Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý.</li> <li>- Lý giải về tính tương thích với giả thuyết nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính)</li> <li>- Trình bày mạch lạc, rõ ràng.</li> </ul>
--	------------	--	--	--	--



<p><b>3.3. Kết quả nghiên cứu</b></p>	<p>30%</p>	<p>Dữ liệu và kết quả nghiên cứu không tương thích với mục tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu.</li> <li>- xử lý dữ liệu nghiên cứu chưa rõ ràng.</li> <li>- Có trình bày kết quả nghiên cứu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu.</li> <li>- Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu.</li> <li>- Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác.</li> <li>- Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu rõ ràng, logic.</li> <li>- Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu.</li> <li>- Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích.</li> <li>- Có đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu trước đây.</li> <li>- Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị).</li> <li>- Trình bày mạch lạc, rõ ràng.</li> </ul>
<p><b>3.4. Giải pháp thực tế/khả thi</b></p>	<p>20%</p>	<p>Không khái quát được Giải pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kết giải pháp</li> <li>- Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được Giải pháp</li> <li>- Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được giải pháp, mạch lạc, rõ ràng.</li> <li>- Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới</li> <li>- Có thể ứng dụng các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.</li> </ul>
<p><b>3.5. Kết luận- Ý nghĩa</b></p>	<p>5%</p>	<p>Không khái quát được kết quả nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kết quả nghiên cứu</li> <li>- Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kết quả nghiên cứu</li> <li>- Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kết quả nghiên cứu, mạch lạc, rõ ràng.</li> <li>- Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.</li> </ul>

4. Các đặc trưng	5%	Không thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề	Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề; Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn	Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề; Nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn	Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề; - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới - Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.
II	<b>BÁO CÁO 30%</b>				
Báo cáo	100%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác phong không phù hợp</li> <li>- Slide báo cáo khó theo dõi</li> <li>- Không hiểu rõ nội dung trình bày, không trả lời được các câu hỏi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác phong chuẩn mực.</li> <li>- slide báo cáo dễ nhìn</li> <li>- Hiểu vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác &lt;50% các câu hỏi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát.</li> <li>- slide báo cáo dễ nhìn</li> <li>- Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác 50% các câu hỏi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát.</li> <li>- Slide báo cáo trình bày rõ ràng, logic, phản ánh cơ bản các nội dung báo cáo.</li> <li>- Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác các câu hỏi.</li> </ul>

### 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, ... rèn luyện được tác phong,

kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

### 8.1. Thời gian đào tạo và Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng thời gian đào tạo tập trung là : 4 năm, khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 130 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

TT	TÊN HỌC PHẦN	Dự kiến điều chỉnh
	<b>Thời gian đào tạo</b>	<b>4 năm</b>
	<b>Số học kỳ</b>	<b>8</b>
	<b>Chương trình đào tạo bắt đầu năm 2020-2021</b>	<b>Tín chỉ</b>
<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>130</b>
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>26</b>
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>104</b>
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	15
	- Kiến thức cơ sở ngành tự chọn	7
	- Kiến thức ngành bắt buộc	54
- Kiến thức ngành tự chọn	16	
<b>3</b>	<b>Thực tập, thực hiện khóa luận (hoặc tiểu luận và học phần thay thế)</b>	<b>12</b>

### 8.2. Danh mục học phần

#### 8.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 26 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	
7	0301000946	Tiếng Anh định hướng ToEIC 1	4	
8	0301000947	Tiếng Anh định hướng ToEIC 2	4	
9	0301001673	Tin học căn bản	3	
10	0301000060	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
11	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	
12	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	
13	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**		
14	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**		
15	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	
16	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**		
17	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**		
18	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	
19	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**		
20	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**		
<b>Tổng</b>			<b>26</b>	

### 8.2.2. Kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
21	0301001677	Tổng quan du lịch	3	
22	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	
23	0301001609	Phương pháp nghiên cứu khoa học QTKS	2	
24	0301002050	Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam	3	
25	0301001790	Quản lý Nhà nước về du lịch	2	
26	0301000446	Quản trị học	3	
<b>Học phần tự chọn</b>			<b>7</b>	
27	0301000236	Kinh tế vi mô	3	
28	0301002402	Kinh tế vĩ mô	2	
29	0301002051	Marketing căn bản	3	
30	0301001791	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2	
31	0301001792	Kỹ năng học tập bậc đại học	2	
32	0301000284	Lịch sử văn minh thế giới	2	
33	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2	
<b>Tổng</b>			<b>22</b>	

### 8.2.3. Kiến thức ngành: 82 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
34	0301000339	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	
35	0301000451	Quản trị kinh doanh lưu trú	2	
36	0301001793	Quản trị nhân sự khách sạn	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
37	0301001794	Ứng dụng CNTT trong kinh doanh (nhà hàng)	2	
38	0301001795	Nghiệp vụ quản lý an toàn vệ sinh trong nhà hàng	2	
39	0301000486	Tâm lí du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	
40	0301001796	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	2	
41	0301001914	Kỹ năng hoạt náo	2	
42	0301000433	Quản lý điều hành yến tiệc	2	
43	0301001797	Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ	2	
44	0301001798	Quản trị du lịch MICE	2	
45	0301002214	Văn hóa du lịch	2	
46	0301000336	Nghiệp vụ buồng phòng	2	
47	0301001799	Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng	2	
48	0301002481	Nghiệp vụ phục vụ bàn, quầy bar	2	
49	0301001801	Quản trị ẩm thực	2	
50	0301002483	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	2	
51	0301001802	Lập & Phân tích dự án kinh doanh khách sạn	3	
52	0301002086	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
53	0301001803	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	
54	0301001922	Quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn	2	
55	0301001950	Nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn	2	
56	0301002482	Văn hóa đa quốc gia	2	
57	0301001805	Chuyên đề trong kinh doanh Nhà hàng khách sạn (năm 3)	4	
58	0301001804	Thực tế - QTKS	2	
59	0301002486	Thực tập tốt nghiệp – QTKS	4	
60	0301002487	Khóa luận tốt nghiệp – QTKS	8	
61	0301002488	Tiểu luận tốt nghiệp – QTKS		
62	0301002489	Du lịch thế giới	8	
63	0301001807	Khởi nghiệp kinh doanh khách sạn		
<b>Phần tự chọn</b>			<b>16</b>	
64	0301000454	Quản trị marketing	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
65	0301001800	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	
66	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	
67	0301000333	Nghệ thuật quảng cáo	2	
68	0301000310	Marketing du lịch	2	
69	0301000410	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2	
70	0301000428	Quan hệ công chúng	2	
71	0301001916	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2	
72	0301001921	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	
73	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	
74	0301002484	Quản trị rủi ro trong du lịch	2	
75	0301002485	Quản trị chiến lược du lịch	2	
76	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2	
77	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2	
78	0301002581	Quản trị bán hàng	2	
79	0301000461	Quản trị thương hiệu	2	
<b>Tổng</b>			<b>82</b>	
<b>TỔNG CỘNG: 130 TÍN CHỈ</b> (Bắt buộc: 99 TC; Tự chọn: 31 TC) và 11 TC học phần điều kiện.				

### 8.3. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra chương trình:

Mã học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO15
0301001769	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001825	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001826	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001827	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000665	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000667	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	3	1	1	2
0301000946	1	1	2	1	1	1	1	1	2	3	3	2	1	1	2
0301000947	1	1	2	1	1	1	1	1	2	3	3	2	1	1	2
0301001673	1	1	3	1	1	1	1	1	2	3	2	1	1	1	2
0301000060	2	2	2	1	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000650	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2
0301001035	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	1	1	2
0301001036	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2

0301001037	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000660	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001038	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001039	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001030	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000661	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000662	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001677	1	3	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
0301001472	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001609	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301002050	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001790	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000446	1	1	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	2	2
0301000236	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301002402	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301002051	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001791	1	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	3
0301001792	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000284	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301000081	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301000339	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301000451	1	3	2	2	2	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001793	1	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2
0301001794	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	1	2	2
0301001795	1	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301000486	1	3	2	1	2	2	2	2	3	1	2	2	2	3	2
0301001796	1	1	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001914	1	2	2	2	2	2	3	2	3	1	2	2	3	2	2
0301000433	1	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301001797	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001798	1	2	2	3	3	3	2	3	2	1	1	2	2	2	2
0301002214	1	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2
0301000336	1	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301001799	1	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2
0301002481	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2
0301001801	1	2	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301002483	1	2	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001802	1	2	2	3	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	2
0301002086	1	2	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2	3
0301001803	1	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001922	1	2	2	3	3	2	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001950	1	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2

0301002482	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	2	2
0301001805	1	2	2	3	3	2	3	2	3	2	2	3	3	3	2
0301001804	1	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2
0301002486	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301002487	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2
0301002488	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301002489	1	3	1	2	2	3	2	2	3	1	1	2	2	3	2
0301001807	1	2	2	3	3	3	2	3	3	1	1	2	2	3	2
0301000454	1	2	2	2	2	2	2	2	3	2	1	2	2	2	2
0301001800	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2
0301000490	1	3	2	2	2	3	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301000333	1	2	1	2	2	2	3	2	3	1	2	3	3	2	3
0301000310	1	2	2	3	3	3	2	2	2	1	1	2	2	2	3
0301000410	1	3	1	3	3	3	3	3	3	1	2	2	3	2	2
0301000428	1	2	2	2	2	3	3	2	3	1	2	2	3	2	2
0301001916	1	2	2	2	2	3	3	2	3	1	2	2	3	2	3
0301001921	1	2	2	3	3	2	2	3	2	1	1	3	2	3	2
0301000605	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	3	2
0301002484	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2
0301002485	1	2	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001915	1	2	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001806	1	2	2	3	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	2
0301002581	1	2	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2	3
0301000461	1	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2

## 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

### Học kỳ 1:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001035	Giáo dục thể chất 1-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301001036	Giáo dục thể chất 1-Bóng đá**	1				
3	0301001037	Giáo dục thể chất 1-Cầu lông**	1				
4	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2		30	
5	0301001673	Tin học căn bản	3	3			90
6	0301001677	Tổng quan du lịch	3	3		45	
7	0301000446	Quản trị học	3	3		30	30
8	0301001621	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2		30	
<b>Tổng:</b>			<b>13+1</b>	<b>13+1</b>		<b>135</b>	<b>150</b>

### Học kỳ 2:



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301000660	Giáo dục thể chất 2-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**	1				
3	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**	1				
4	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2		30	
5	0301001789	Phương pháp nghiên cứu khoa học - QTKS	2	2		30	
6	0301001790	Quản lý Nhà nước về du lịch	2	2		30	
7	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	2		30	
8	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	8			
9	0301000236	Kinh tế vi mô	3		3	30	30
10	0301000308	Marketing căn bản	3			30	30
<b>Tổng:</b>			<b>12+9</b>	<b>9+9</b>	<b>3</b>	<b>150</b>	<b>60</b>

### Học kỳ 3:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001030	Giáo dục thể chất 3-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1				
3	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1				
4	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
5	0301002050	Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam	3	3		45	
6	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	
7	0301001917	Ứng dụng CNTT trong du lịch	2	2		30	
8	0301000946	Tiếng Anh định hướng ToEIC 1	4	4		30	
9	0301000428	Quan hệ công chúng	2		4	30	
10	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2			30	
11	0301001916	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2			30	
12	0301001921	Quản trị kinh doanh lõi hành	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>17+1</b>	<b>13+1</b>	<b>4</b>	<b>255</b>	<b>30</b>

### Học kỳ 4:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	
2	0301000339	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	2		30	
3	0301001795	Nghiệp vụ quản lý an toàn vệ sinh trong nhà hàng	2	2		30	
4	0301001796	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	2	2		30	
5	0301000451	Quản trị kinh doanh lưu trú	2	2		30	
6	0301000452	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	2		30	
7	0301001793	Quản trị nhân sự trong khách sạn	2	2		30	
8	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
9	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2		2	30	
10	0301002485	Quản trị chiến lược du lịch	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>20</b>	<b>18</b>	<b>2</b>	<b>300</b>	

#### Học kỳ 5:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	0301001801	Quản trị ẩm thực	2	2		30	
3	0301001803	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	4		60	
4	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2		30	
5	0301001914	Kỹ năng hoạt náo	2	2		30	
6	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2		4	30	
7	0301002402	Kinh tế vĩ mô	2			30	
8	0301001654	Lịch sử văn minh thế giới	2			30	
9	0301001791	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2			30	
10	0301001792	Kỹ năng học tập bậc đại học	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	<b>180</b>	

#### Học kỳ 6:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301002483	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	2	2			60

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
2	0301001805	Chuyên đề kinh doanh Nhà hàng khách sạn (năm 3)	4	4			120
3	0301001797	Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ	2	2		30	
4	0301000336	Nghiệp vụ buồng phòng	2	2		30	
5	0301002481	Nghiệp vụ phục vụ bàn, quầy bar	2	2		30	
6	0301002482	Văn hóa đa quốc gia	2	2		30	
7	0301000454	Quản trị marketing	2		6	30	
8	0301001800	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2			30	
9	0301000410	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2			30	
10	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2			30	
11	0301000333	Nghệ thuật quảng cáo	2			30	
12	0301000310	Marketing du lịch	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>20</b>	<b>16</b>	<b>4</b>	<b>210</b>	<b>180</b>

#### Học kỳ 7:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301002086	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3		45	
2	0301001802	Lập & Phân tích dự án kinh doanh khách sạn	3	3		45	
3	0301002214	Văn hóa du lịch	2	2		30	
4	0301001799	Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng	2	2		30	
5	0301000433	Quản lý điều hành yến tiệc	2	2		30	
6	0301001798	Quản trị du lịch MICE	2	2		30	
7	0301001804	Thực tế - QTKS	2	2			60
8	0301002484	Quản trị rủi ro trong du lịch	2		4	30	
9	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2			30	
10	0301002581	Quản trị bán hàng	2			30	
11	0301000461	Quản trị thương hiệu	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>20</b>	<b>16</b>	<b>4</b>	<b>270</b>	<b>30</b>

#### Học kỳ 8:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301002486	Thực tập tốt nghiệp - QTKS	4	4			120
2	0301002487	Khóa luận tốt nghiệp - QTKS	8		8		240
3	0301002488	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKS	4		4		120
4	0301002489	Du lịch thể giới	2		4	30	
5	0301001807	Khởi nghiệp kinh doanh khách sạn	2			30	
<b>Tổng</b>			<b>12</b>	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>60</b>	<b>240</b>

**Ghi chú: \*\*:** Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

## 10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

### 1. Triết học Mác - Lênin

Học phần là phần thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

### 2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần có 7 chương, gồm những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho người học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Sau khi học xong người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Người học lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### 4. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

Bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

### **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Nội dung học phân: Nội dung học phân trình bày về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

### **6. Pháp luật đại cương**

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

### **7. Tiếng Anh định hướng ToEIC 1**

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

### **8. Tiếng Anh định hướng ToEIC 2**

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi ToEIC quốc tế.

### **9. Tin học căn bản**

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng:

Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel. Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint, Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

### **10. Đại cương văn hóa Việt Nam**

Đại cương văn hóa Việt Nam là một môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: Điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam;- Cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam;- Đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam; Văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa; Các vùng văn hóa Việt Nam.

### **11. Giáo dục quốc phòng – An ninh**

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

### **12. Nội dung học phần bóng đá cơ bản**

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

### **13. Nội dung học phần cầu lông cơ bản**

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

### **14. Nội dung học phần môn bóng chuyền cơ bản**

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

### **15. Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 1**

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và

nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

### **16. Nội dung học phần bóng đá nâng cao 1**

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

### **17. Nội dung học phần cầu lông nâng cao 1**

Giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

### **18. Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2**

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

### **19. Nội dung học phần bóng đá nâng cao 2**

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

### **20. Nội dung học phần cầu lông nâng cao 2**

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

### **21. Tổng quan du lịch**

Nội dung học phần Tổng quan du lịch bao gồm các vấn đề liên quan: thuật ngữ và các khái niệm. Lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch. Nhu cầu và đặc điểm của sản phẩm du lịch. Động cơ và phân loại hoạt động du lịch. Điều kiện để phát triển du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và các vấn đề trong kinh tế - xã hội. Du lịch bền vững và tổ chức

quản lý du lịch.

## **22. Văn hóa ẩm thực Việt Nam**

Học phần Văn hóa ẩm thực Việt Nam được tổ chức giảng dạy theo 6 phần kiến thức: (1) Những vấn đề chung về văn hóa ẩm thực, (2) Tập quán và khẩu vị ăn uống, (3) Văn hóa ẩm thực miền Bắc, (4) Văn hóa ẩm thực miền Trung, (5) Văn hóa ẩm thực miền Nam, (6) Văn hóa ẩm thực một số quốc gia trên thế giới. Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về các khái niệm về ẩm thực, đặc trưng, các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của Việt Nam, đặc trưng ẩm thực, món ăn đặc biệt của từng vùng miền cũng như những đặc trưng cơ bản của ẩm thực một số nước trên thế giới.

## **23. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học, (2) nghiên cứu định tính, (3) nghiên cứu định lượng, (4) vận dụng nghiên cứu khoa học vào thực tế.

## **24. Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam**

Địa lý du lịch và thắng cảnh Việt Nam là học phần nhằm khái quát mối quan hệ giữa các đối tượng du lịch trên phạm vi lãnh thổ. Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về du lịch, tài nguyên du lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch, hệ thống di tích và thắng cảnh ở Việt Nam. Trên cơ sở đó vận dụng tìm hiểu tiềm năng du lịch, tuyến và điểm du lịch của các vùng du lịch ở Việt Nam. Học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống di tích và thắng cảnh ở Việt Nam, giá trị, vai trò, hệ biểu tượng của hệ thống di tích và thắng cảnh.

## **25. Quản lý nhà nước về du lịch**

Khái quát về lịch sử quản lý về du lịch của nhà nước, các nội dung cơ bản về du lịch và quản lý nhà nước; những nguyên tắc trong quản lý Cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, chính sách và nguyên tắc phát triển du lịch, tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và quy hoạch về du lịch, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực lữ hành, lưu trú, vận chuyển, nhân lực du lịch, xúc tiến quảng bá, những qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

## **26. Quản trị học**

Học phần cung cấp những khái quát chung về quản trị, sự phát triển các tư tưởng quản trị, quyết định quản trị và nội dung các chức năng của quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát. Học phần này là cơ sở, tiên quyết để SV học các môn chuyên ngành Quản trị Khách Sạn.

## **27. Kinh tế vi mô**

Kinh tế vi mô là môn học kinh tế học căn bản cung cấp cho học sinh kiến thức đại cương về lý luận và phương pháp kinh tế trong lựa chọn để giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? Môn



học khởi đầu với sự nghiên cứu về những cơ sở của cung cầu: vấn đề tiêu dùng cá nhân, đặc tính cầu cá nhân và từ đó suy ra cầu của thị trường. Nội dung tiếp theo là nghiên cứu về đặc điểm của sản xuất, chi phí, lợi nhuận. Các lựa chọn tối ưu hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và thị trường độc quyền. Phần cuối của môn học giới thiệu những vấn đề thất bại của thị trường, thông tin và vai trò của chính phủ.

## **28. Kinh tế vĩ mô**

Môn kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể. Những vấn đề kinh tế vĩ mô đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của các hộ gia đình, các doanh nghiệp, chính phủ các cấp cũng như các mối quan hệ quốc tế. Học phần này sẽ mô tả các biến kinh tế vĩ mô như GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá, tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm. Thêm nữa, trong học phần này chúng tôi cũng giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản để giải thích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu vĩ mô nói trên. Nội dung bao gồm cả tăng trưởng kinh tế dài hạn và dao động sản lượng trong ngắn hạn. Chính sách kinh tế vĩ mô cũng được trình bày ở mức độ giới thiệu trong học phần này.

## **29. Marketing căn bản**

Marketing căn bản trình bày những kiến thức căn bản về Marketing. Các khái niệm: thị trường, sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, ý nghĩa, mục tiêu, vai trò, nội dung của chúng trong Marketing. Các bước nghiên cứu thị trường, phân tích các cơ hội thị trường, phân khúc thị trường, chọn thị trường mục tiêu cho phù hợp với mục tiêu và nguồn lực của doanh nghiệp. Giải thích quá trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng. Qua đó thực hiện các chiến lược Marketing hỗn hợp gồm: chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

## **30. Kỹ năng làm việc nhóm**

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 4 phần kiến thức: (1) Tổng quan về nhóm, (2) Hoạt động của nhóm, (3) Điều hành nhóm, (4) Kỹ năng làm việc nhóm. Với kiến thức 4 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp.

## **31. Kỹ năng học tập bậc đại học**

Môn học giới thiệu về bối cảnh các tổ chức trong nền kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp, cho các sinh viên bước đầu vào chương trình học về kế toán – kiểm toán. Các nội dung giảng dạy xoay quanh một doanh nghiệp hoạt động thế nào, được quản lý và kiểm soát ra sao và vai trò của kế toán – kiểm toán trong quá trình đó. Sinh viên cũng được giới thiệu về những yêu cầu của nghề nghiệp về chuyên môn cũng như đạo đức. Môn học này là nền tảng cho việc xây dựng động cơ học tập, trang bị kỹ năng học tập và hoạch định nghề nghiệp sớm cho sinh viên., đồng thời các kỹ năng học tập của người học được lồng ghép trong yêu cầu của từng nội dung môn học

### **32. Lịch sử văn minh thế giới**

Lịch sử văn minh thế giới bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.

### **33. Đặc điểm văn hóa ĐBSCL**

Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản về các đặc trưng văn hóa tiêu biểu ở ĐBSCL như: văn hóa Chăm, văn hóa người Việt miền Tây Nam Bộ, trường hợp người con gái út, hát sắc bùa Phú Lễ - Bến Tre, vắn địa địa danh huyện Tịnh Biên-An Giang, Tín ngưỡng thờ bà Chúa Xứ ở Núi Sam – An Giang, cây dừa trong ca cổ, thơ ca, văn hóa mắm trong ẩm thực, đôi thi sĩ Hà Tiên, tính cách người Nam Bộ (ĐBSCL), xuồng ba lá nét đặc trưng sông nước đồng bằng.

### **34. Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh**

Giới thiệu tổng quát về bộ phận lễ tân khách sạn. Những yêu cầu của một nhân viên lễ tân và quy định làm việc cơ bản của bộ phận lễ tân. Quy trình nhận đặt buồng trong đó có xử lý các yêu cầu đặt buồng và tổng hợp tình hình đặt buồng. Phục vụ khách trong thời gian khách lưu trú trong đó có giải quyết phàn nàn của khách. Các thủ tục thanh toán, tiễn khách. Quản trị bộ phận lễ tân.

### **35. Quản trị kinh doanh lưu trú**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về hoạt động kinh doanh lưu trú: Khái quát chung về hệ thống cơ sở lưu trú du lịch, các loại hình cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam.

### **36. Quản trị nhân sự khách sạn**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong khách sạn nhà hàng, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan đến khách sạn nhà hàng.

### **37. Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh (nhà hàng)**

Sinh viên hiểu rõ những kiến thức về việc khai thác nguồn thông tin trên mạng liên quan đến chuyên ngành, các khái niệm về internet và website, những kiến thức nền về tạo website như ngôn ngữ tạo website, những giai đoạn tạo website, thực hiện tạo một website tương thích đa thiết bị sử dụng mẫu có sẵn. Phân tích và đánh giá vai trò của người học trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, lập kế hoạch xây dựng và e-marketing trong du lịch.

### **38. Nghiệp vụ quản lý an toàn vệ sinh trong nhà hàng**

Học phần này sẽ giới thiệu tới sinh viên giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của từng loại thực phẩm. Các loại ngộ độc thực phẩm cũng như hiện tượng, bản chất của các chất, vi sinh vật gây ra ngộ độc thực phẩm. Và cuối cùng là cách bảo quản thực phẩm an toàn. .

### **39. Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp**

Học phần đề cập đến các cơ sở tâm lý của du khách, đặc điểm tâm lý của du khách; những vấn đề chung của giao tiếp trong du lịch, những kỹ năng trong giao tiếp du lịch, những phẩm chất cần có của người hướng dẫn viên du lịch. Sau khi học học phần này, sinh viên có cơ sở khoa học để hiểu tâm lý du khách và những chỉ dẫn về giao tiếp văn minh của hướng dẫn viên du lịch.

### **40. Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú**

Học phần này có các nội dung chính như sau: khái niệm về thương mại điện tử, các giao dịch kinh doanh điện tử và yếu tố cấu thành thương mại điện tử; lợi ích của thương mại điện tử và các điều kiện triển khai thương mại điện tử; những nội dung cơ bản của thương mại điện tử bao gồm: thị trường; giới thiệu và quảng bá sản phẩm; phân phối sản phẩm và hình thức thanh toán; các vấn đề về an toàn thông tin cho thương mại điện tử và kỹ thuật an toàn cho thương mại điện tử; Thương mại điện tử ở Việt Nam: các vấn đề chung và triển khai.

### **41. Kỹ năng hoạt náo**

Cung cấp cho sinh viên ngành du lịch những kiến thức, kỹ năng thực hành về chương trình, trò chơi mang tính tập thể nhằm giúp sinh viên tự tin, bản lĩnh khi thực hiện nghề, tiếp xúc với nhiều đối tượng khách khác nhau.

### **42. Quản lý điều hành yến tiệc**

Học phần Quản lý điều hành yến tiệc được tổ chức giảng dạy theo 4 phần kiến thức: (1) tổng quan kinh doanh yến tiệc, (2) Công việc của bộ phận ẩm thực, (3) nhận đặt tiệc, (4) nghiệp vụ bàn. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, sinh viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

### **43. Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ**

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Tổng quan về chất lượng, (2) Quản lý chất lượng, (3) Quản lý chất lượng toàn diện (TQM), (4) Phương pháp 6 Sigma, (5) Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng tại doanh nghiệp.

### **44. Quản trị du lịch MICE**

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về du lịch Mice và hoạt động tổ chức sự kiện: những khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, môi trường và điều kiện phát triển du

lich Mice, tình hình hoạt động và quy trình tổ chức du lịch Mice, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện và du lịch Mice trong thực tế.

#### **45. Văn hóa du lịch**

Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch - Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.

#### **46. Nghiệp vụ buồng phòng**

Nghiệp vụ Buồng khách sạn là một môn học cơ sở ngành, trang bị những kiến thức hỗ trợ cho nghiệp vụ quản lý Khách sạn dành cho sinh viên chuyên ngành Nhà hàng khách sạn. Môn học này bao gồm cả đào tạo lý thuyết và thực hành nhằm giúp cho người học luyện tập và áp dụng ngay những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế.

#### **47. Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng**

Học phần cung cấp các kiến thức về hoạt động quản lý và kinh doanh khu du lịch (Resort): Hoạch định đầu tư xây dựng Resort, Hoạch định các dịch vụ phục vụ, tổ chức các bộ phận đón tiếp, phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí,... trong Resort.

#### **48. Nghiệp vụ phục vụ bàn, quầy bar**

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về vai trò, cơ cấu tổ chức của từng bộ phận trong nhà hàng; chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn của các vị trí trong khách sạn; vai trò của quy trình phục vụ trong nhà hàng – khách sạn; thao tác kỹ thuật cơ bản của các dịch vụ trong nhà hàng; một số tình huống thường gặp trong nhà hàng – khách sạn; một số loại đồ uống thông dụng trong quầy bar, quy trình phục vụ trong quầy bar.

#### **49. Quản trị ẩm thực**

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống kiến thức liên quan đến ẩm thực Việt Nam và một số nước trên thế giới. Kiến thức bảo quản thực phẩm trong mọi điều kiện – đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Xây dựng thực đơn; Xác định giá cho thực đơn; Kiến thức quản lý khu vực bếp.

#### **50. Thực tập nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn**

Học phần Thực tập nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn cho sinh viên thực hành tại doanh nghiệp để thực hành, áp dụng lý thuyết vào thực tiễn: biết được tổng quan bộ phận nghiệp vụ của nhà hàng, khách sạn, sổ sách ở bộ phận, quy trình phục vụ lưu trú, ăn uống. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, học viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

#### **51. Lập và phân tích dự án trong kinh doanh**

Học phần Lập và phân tích dự án trong kinh doanh được tổ chức giảng dạy theo các phần kiến thức: (1) Tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư và Các vấn đề về thiết lập một dự án, (2) Nghiên cứu thị trường của dự án, (3) Nghiên cứu kỹ thuật của dự án (4) Tổ chức nhân sự và quản trị của dự án (5) Phân tích tài chính của dự án (6) Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của dự án (7) Các vấn đề về tổ chức thẩm định dự án đầu tư. (8) Bài tập lớn cho thiết lập & thẩm định dự án đầu tư.

## **52. Quản trị tài chính doanh nghiệp**

Trình bày những vấn đề có liên quan đến tổng quan về quản trị tài chính và những quyết định liên quan đến việc đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đối với phần tổng quan sinh viên sẽ được nghiên cứu những khái niệm liên quan đến một hoạt động trong công tác quản lý doanh nghiệp – quản trị tài chính; những nhân tố tác động đến các quyết định quản trị tài chính: môi trường vĩ mô, vi mô, biến động của tiền tệ theo thời gian, những ảnh hưởng của lợi nhuận và rủi ro trong việc ra quyết định.

## **53. Tiếng anh chuyên ngành khách sạn**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cách thức giao tiếp bằng thư tín tiếng Anh trong kinh doanh. Trình bày những nội dung có liên quan đến tài chính, kế toán, các chứng từ trong mua bán quốc tế, những qui tắc trong kinh doanh mua bán quốc tế, nội dung và hình thức của một hợp đồng ngoại thương, một thư chào hàng báo giá và thư hỏi hàng..

## **54. Quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn**

Học phần quản trị kinh doanh khách sạn cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về quản trị và kinh doanh khách sạn. Nội dung chính trước tiên giới thiệu tổng quan về kinh doanh khách sạn; cơ sở vật chất và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn. Thêm vào đó, sinh viên được cung cấp kiến thức về tổ chức bộ máy và quản trị nguồn nhân lực của khách sạn; tổ chức kinh doanh lưu trú và ăn uống của khách sạn. Đồng thời sinh viên được hệ thống lại những kiến thức về marketing và áp dụng trong lĩnh vực đặc thù là kinh doanh khách sạn. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị những kiến thức cần thiết về quản lý chất lượng dịch vụ của khách sạn.

## **55. Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn**

Học phần Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn trang bị cho sinh viên hiểu rõ yêu cầu của ngành nghề khách sạn, nhà hàng và các tiêu chuẩn, tiêu chí, yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Hơn nữa, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách tại khách sạn, nhà hàng, quầy bar đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc và phục vụ khách hàng, khả năng nắm bắt tâm lý của khách hàng. Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: lễ tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn, bar hợp lý và đúng tiêu chuẩn.

## **56. Văn hóa đa quốc gia**

Học phần Văn hóa đa quốc gia trang bị cho người học những kiến thức đại cương về văn hóa và văn hóa đa quốc gia. Qua học phần, người học hình thành và phát triển năng lực bản thân và kỹ năng giao tiếp, làm việc trong môi trường văn hóa đa quốc gia, có ý thức giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

### **57. Chuyên đề kinh doanh nhà hàng khách sạn**

Học phần Chuyên đề kinh doanh nhà hàng khách sạn được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan dự án kinh doanh, (2) Đánh giá khả thi thị trường của dự án, (3) Đánh giá khả thi kỹ thuật của dự án, (4) Đánh giá khả thi tài chính của dự án và (5) Tổ chức vận hành doanh nghiệp để sinh viên được trang bị kiến thức tổng quan về thiết kế và thực hiện dự án kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

### **58. Thực tế - QTKS**

Thực tế giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trên lớp,

Sau khi thực tế này, những người tham gia sẽ tự tin và có khả năng tốt hơn trong: Rèn cho khả năng nắm bắt các thông tin dịch vụ du lịch tại các địa phương, cách phân bổ và bố trí hợp lý cung đường, tuyến điểm, địa điểm tham quan, hoàn thiện các kỹ năng trong nghiệp vụ du lịch.

### **59. Thực tập tốt nghiệp - QTKS**

Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện trên thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ cuối khóa.

Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trong trường đại học. Cụ thể hơn, đó là những vấn đề hay những cơ hội đơn vị thực tập đang đối diện. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và người phụ trách từ đơn vị thực tập, sinh viên sẽ phải làm việc tại một doanh nghiệp hay tổ chức có liên quan. Công việc này áp dụng những gì bạn đã học trong chương trình học tập tại trường vào hoạt động tại đơn vị thực tập.

### **60. Khóa luận tốt nghiệp - QTKS**

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân

một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học và thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại các buổi sinh hoạt học thuật và bảo vệ trước hội đồng đánh giá.

### **61. Tiểu luận tốt nghiệp - QTKS**

Tiểu luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với các kiến thức đã được trang bị thông qua học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp với chuyên môn của ngành đào tạo, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học.

### **62. Du lịch thế giới**

Nội dung học phần bao gồm các vấn đề liên quan: thuật ngữ và các khái niệm. Lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch. Nhu cầu và đặc điểm của sản phẩm du lịch. Động cơ và phân loại hoạt động du lịch. Điều kiện để phát triển du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và các vấn đề trong kinh tế - xã hội, và xu hướng phát triển của du lịch thế giới.

### **63. Khởi nghiệp kinh doanh khách sạn**

Học phần gồm 3 chương: Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và / hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công

### **64. Quản trị Marketing**

Học phần Quản trị Marketing được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị marketing và các công việc chính của giám đốc Marketing, (2) hoạch định chiến lược, kế hoạch, chương trình marketing, (3) tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng marketing vào thực tế, môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến nhu cầu khách hàng, tâm lý – hành vi tiêu dùng, sự hài lòng khách hàng và khả năng cạnh tranh với đối thủ.

### **65. Thanh toán quốc tế trong du lịch**

Nội dung chính của học phần Thanh Toán Quốc Tế trình bày những vấn đề có liên quan đến tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ hối đoái trên thị trường hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các chứng từ chủ yếu trong thanh toán quốc tế.

#### **66. Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo**

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Lãnh đạo và quản lý, (2) Nhà lãnh đạo, (3) Nghệ thuật lãnh đạo, (4) Phong cách lãnh đạo, (5) Nghệ thuật dùng người.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần nâng cao khả năng lãnh đạo của người học.

#### **67. Nghệ thuật quảng cáo**

Ngày nay quảng cáo thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. Kỹ thuật quảng cáo là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing.

Học phần Nghệ thuật quảng cáo được tổ chức giảng dạy theo 5 chương: (1) Tổng quan về Quảng cáo; (2) Xác định mục tiêu quảng cáo và ngân sách quảng cáo; (3) Kỹ thuật lựa chọn phương tiện quảng cáo; (4) Kỹ thuật thiết kế thông điệp quảng cáo; (5) Kỹ thuật tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả quảng cáo.

#### **68. Marketing du lịch**

Cung cấp cho sinh viên ngành du lịch những kiến thức, kỹ năng thực hành về chương trình, trò chơi mang tính tập thể nhằm giúp sinh viên tự tin, bản lĩnh khi thực hiện nghề, tiếp xúc với nhiều đối tượng khách khác nhau.

#### **69. Phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam**

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về phong tục, tín ngưỡng và lễ hội dân gian. Trên cơ sở đó, trình bày những kiến thức cơ bản nhất về sự hình thành và phát triển của phong tục, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam, những dấu ấn về phong tục, tín ngưỡng, lễ hội qua các vùng miền của đất nước. Từ đó, rút ra những đặc điểm nổi bật của phong tục, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam.

#### **70. Quan hệ công chúng**

Ngày nay PR thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. PR là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing.

Học phần PR được tổ chức giảng dạy theo 8 nội dung: (1) Tổng quan về PR; (2) Nghiên cứu và đánh giá PR; (3) Lập kế hoạch PR; (4) Thực thi giao tiếp; (5) Quan hệ báo chí; (6) Sự kiện và tài trợ; (7) Quản trị khủng hoảng; (8) Hoạt động PR trong kinh doanh.

#### **71. Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch**



Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động.

## **72. Quản trị kinh doanh lữ hành**

Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành tổ chức giảng dạy theo 5 chương chính, tập trung vào phần kiến thức trọng tâm: (1) tổng quan về kinh doanh du lịch, dịch vụ, (2) Tổ chức bộ máy nhân sự, (3) Tổ chức kinh doanh du lịch, dịch vụ, (4) Tổ chức, thực hiện marketing du lịch, dịch vụ và (5) Quản trị chất lượng du lịch, dịch vụ.

## **73. Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh**

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Đạo đức và vấn đề đạo đức trong kinh doanh, (2) Các triết lý đạo đức trong kinh doanh, (3) Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, (4) Văn hóa doanh nghiệp, (5) Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và văn hóa của doanh nghiệp.

## **74. Quản trị rủi ro trong du lịch**

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành thuộc ngành quản trị kinh doanh trong chương trình đào tạo đại học.

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau : Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro; Phân tích sâu các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm : Nhận dạng, phân tích rủi ro ; Kiểm soát và tài trợ rủi ro ; Vận dụng quản trị rủi ro trong quản trị rủi ro nhân lực, quản trị rủi ro tài sản của doanh nghiệp..

## **75. Quản trị chiến lược trong du lịch**

Học phần QTCL bao gồm những kiến thức căn bản về những nguyên lý QTCL và sự vận dụng thực tiễn trong DN của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và QTCL, các giai đoạn phát triển của QTCL, mô hình nguyên lý QTCL của DN với mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức thực thi chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của DN dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của DN..

## **76. Quản trị điểm đến du lịch**

Học phần Quản lý điểm đến du lịch là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần: Mô tả khái quát điểm đến du lịch ; tổ chức quản lý và các nội dung quản

lý điểm đến du lịch; chiến lược và quy hoạch quản lý điểm đến du lịch; các hoạt động marketing và cạnh tranh điểm đến trong du lịch, phát triển sản phẩm và định vị điểm đến trong du lịch, các hoạt động quảng bá và xúc tiến điểm đến trong du lịch; quản lý chất lượng điểm đến du lịch.

### **77. Phát triển du lịch bền vững**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

### **78. Quản trị bán hàng**

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp, bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp; Các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp

### **79. Quản trị thương hiệu**

Học phần quản trị thương hiệu mới thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những nguyên tắc nền tảng về thương hiệu và quản trị thương hiệu. Học phần cho thấy tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, quá trình quản trị thương hiệu và nội dung của công tác quản trị thương hiệu.

## **11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Quản trị khách sạn hệ chính quy gồm **141 TC** (kể cả Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 26 TC giáo dục đại cương, 22 TC cơ sở khối ngành, 82 TC kiến thức ngành và tốt nghiệp, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

- + **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Quản trị kinh doanh phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.
- + **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định, học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp.

- + **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Quản trị kinh doanh sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Quản trị kinh doanh sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

## 12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô./.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG ĐÀO TẠO

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



*Trần Long Luận*

*Lê Phú Nguyên Hải*

*Trần Minh Hùng*

